TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST Ngày 01-02-2019 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Thành Biên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tô Quang D, sinh năm 1990; nơi cư trú: T, BS, KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Khu 6, NH, quận HA, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: A, W, Ba Lan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản khai của nguyên đơn anh Tô Quang D và đơn xin ly hôn của bị đơn chị Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2015 tại UBND BS, KA, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 9/2016, chị N đi lao động và làm việc tại Ba Lan. Chính vì sự xa cách về địa lý, chị N sinh sống và làm việc tại Ba Lan, còn anh D sinh sống ở thành phố

Hải Phòng, Việt Nam. Giữa vợ chồng anh chị luôn không có sự tin tưởng và hiểu lầm nhau. Nay, anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Vợ chồng anh chị không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh chị.

Tại đơn đề nghị của gia đình bị đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị N đã thực sự trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại phiên tòa, anh D và chị N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị N không có sự thay đổi nội dung tại đơn xin ly hôn đã gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn chị Nguyễn Thị N đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ chứng minh đó là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N kết hôn tại tại UBND BS, KA, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 11 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D. Về con chung, tài sản chung: Anh D và chị N xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Chị Nguyễn Thị N cư trú ở nước ngoài, anh Tô Quang D cư trú tại thành phố Hải Phòng. Mặt khác, anh D và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại Ba Lan, chị N và anh D đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND BS, KA, thành phố Hải Phòng từ ngày 04 tháng 11 năm 2015, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 9/2016, chị N đi lao động ở nước ngoài và hiện tại đang làm việc tại Ba Lan. Chính vì sự xa cách về địa lý, vợ chồng sống mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mặt khác, giữa vợ chồng anh chị luôn không có sự tin tưởng vào nhau, vợ chồng anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh D.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N đều xác nhận không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tô Quang D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Quang D được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung: Anh Tô Quang D và chị Nguyễn Thị N không có con chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tô Quang D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001528 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh Tô Quang D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Tô Quang D (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND BS, KA, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương